

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Cho năm tài chính 2009

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4-5
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2009	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2009	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009	10-24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây Dựng 47

- Công ty Cổ phần Xây Dựng 47 “gọi tắt là Công ty” tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây Dựng 47) được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số: 4411/QĐ/BNN-TCCB ngày 08 tháng 12 năm 2001. Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số: 35 03 000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần 01 ngày 27 tháng 06 năm 2005 và cấp lại lần 06 ngày 20 tháng 11 năm 2007.
- Tên giao dịch là: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**
Viết tắt là: **CC47**
Tên nước ngoài: **CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY 47**
Vốn điều lệ là: 39.750.000.000 VND (Ba mươi chín tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn.)
Công ty có trụ sở tại: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

- Xây dựng các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng. Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu. Đại tu xe, máy thi công. Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ Massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý dịch vụ Internet. Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Dịch vụ quảng cáo. Đại lý bán vé máy bay, tàu hoả. Tư vấn du học. Kinh doanh vận chuyển khách bằng ô tô theo hợp đồng. Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển. Hoạt động dạy nghề. Kinh doanh và cho thuê bất động sản. Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình. Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. (hoạt động phải đảm bảo các điều kiện và giấy phép kinh doanh theo quy định)/.

Các Công ty Con cần lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ

Địa chỉ: Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định.

Ban lãnh đạo Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1 Ông: Nguyễn Lương Am | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông: Nguyễn Văn Tôn | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3 Ông: Phan Tấn An | Ủy viên HĐQT |
| 4 Ông: Lê Xuân Hỷ | Ủy viên HĐQT |
| 5 Ông: Lê Văn Đồng | Ủy viên HĐQT |

Ban kiểm soát:

- | | |
|-----------------------|--------------------------|
| 1 Ông: Huỳnh Khế | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 Ông: Trương Đình Du | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3 Bà: Nguyễn Thị Lan | Thành viên Ban Kiểm soát |

Ban Giám đốc:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1 Ông: Nguyễn Lương Am | Tổng Giám đốc |
| 2 Ông: Lê Văn Đồng | Phó tổng Giám đốc |
| 3 Ông Nguyễn Văn Tôn | Phó tổng Giám đốc |
| 4 Ông Đinh Tấn Dương | Phó tổng Giám đốc |
| 5 Ông: Phạm Văn Nho | Kế toán trưởng |

2. Kiểm toán viên độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009.

3. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và qua đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận cùng với những vi phạm khác.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính:

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thay mặt, Đại diện cho:

Công ty Cổ phần Xây Dựng 47



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lương Am

Tổng Giám đốc

Nguyễn Lương Am

Bình Định, ngày 31 tháng 01 năm 2010



Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Số: 07/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009
của Công ty Cổ phần Xây Dựng 47

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây Dựng 47 cho năm tài chính 2009 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất như đã trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được lập phù hợp với các quy định của Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại Ghi chú số I, II, III IV, V, VI, VII trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và 03, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó báo cáo với Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây Dựng 47 đã:

- a) Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- b) Phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Xây Dựng 47 giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Kiểm toán viên

Lê Văn Đà

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231/KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		577.799.705.072	377.206.739.656
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		75.727.120.304	40.027.797.312
1. Tiền	111	V.01	75.727.120.304	40.027.797.312
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	449.000.000	2.998.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		449.000.000	2.998.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		254.129.893.200	212.197.897.179
1. Phải thu khách hàng	131		174.456.183.303	143.311.651.309
2. Trả trước cho người bán	132		78.094.455.905	65.504.701.952
3. Các khoản phải thu khác	138	V.03	1.579.253.992	3.381.543.918
IV. Hàng tồn kho	140		241.373.696.674	110.372.842.377
1. Hàng tồn kho	141	V.04	241.373.696.674	110.372.842.377
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.119.994.894	11.610.202.788
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		102.469.198	8.903.043.827
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.017.525.696	2.707.158.961
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		341.785.128.571	244.185.871.448
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		322.634.028.969	229.741.441.463
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	314.063.180.061	226.867.259.075
- Nguyên giá	222		465.857.654.091	344.788.972.115
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(151.794.474.030)	(117.921.713.040)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	541.156.221	612.023.380
- Nguyên giá	228		669.682.273	669.682.273
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(128.526.052)	(57.658.893)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	8.029.692.687	2.262.159.008
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.680.000.000	13.291.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.680.000.000	13.200.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	-	91.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		5.471.099.602	1.153.429.985
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.09	4.177.578.311	-
2. Tài sản dài hạn khác	278		1.293.521.291	1.153.429.985
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		919.584.833.643	621.392.611.104

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

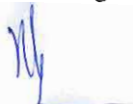
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		832.242.884.288	561.213.278.892
I. Nợ ngắn hạn	310		521.470.856.560	459.968.862.725
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	216.968.154.563	179.942.331.336
2. Phải trả người bán	312		194.524.790.356	59.316.460.041
3. Người mua trả tiền trước	313		50.904.460.750	148.890.334.845
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	15.343.845.787	9.538.130.297
5. Phải trả người lao động	315		21.325.495.591	8.111.921.995
6. Chi phí phải trả	316	V.12	10.268.887.195	11.073.336.672
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	12.135.222.318	43.096.347.539
II. Nợ dài hạn	320		310.772.027.728	101.244.416.167
1. Vay và nợ dài hạn	324	V.14	308.139.044.899	99.490.082.242
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	326		2.632.982.829	1.754.333.925
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85.436.510.131	58.897.652.346
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	84.399.959.268	58.087.801.371
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		39.750.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.897.900.000	8.497.900.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		10.449.146.977	10.426.496.010
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.868.299.085	2.689.962.618
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.496.545.980	1.437.100.492
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		46.384.893	36.342.251
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		15.891.682.333	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.036.550.863	809.850.975
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.036.550.863	809.850.975
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			1.905.439.224	1.281.679.866
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		919.584.833.643	621.392.611.104

Kế Toán Trưởng



Phạm Văn Nho

Bình Định, ngày 31 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Am

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	808.179.740.885	605.981.336.965
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.17	78.461.537	169.149.651
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.18	808.101.279.348	605.812.187.314
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	731.137.628.489	540.581.237.630
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		76.963.650.859	65.230.949.684
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	3.836.268.645	4.841.527.796
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	27.420.775.903	37.504.455.939
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.374.282.309	37.504.455.939
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.630.830.949	18.899.992.703
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.748.312.652	13.668.028.838
11. Thu nhập khác	31		671.002.386	1.519.408.028
12. Chi phí khác	32		-	661.683.032
13. Lợi nhuận khác	40		671.002.386	857.724.996
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		27.419.315.038	14.525.753.834
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	VI.22	3.030.290.768	1.996.590.486
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		24.389.024.270	12.529.163.348
18. Lợi ích của cổ đông thiểu số			31.094.211	19.702.812
19. Lợi ích của Công ty Mẹ			24.357.930.059	12.509.460.536

Kế Toán Trưởng



Phạm Văn Nho

Bình Định, ngày 31 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Am

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		741.233.832.607	712.485.594.040
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, DV	02		(673.359.880.236)	(572.183.918.576)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(111.762.296.086)	(94.126.876.278)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(27.408.420.905)	(37.374.375.964)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(649.323.806)	(1.831.717.940)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.230.133.633	1.824.782.621
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.730.262.342)	(1.669.530.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(64.446.217.135)</i>	<i>7.123.957.903</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(92.931.191.778)	(93.074.847.447)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.548.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		91.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.480.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.549.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.734.761.205	3.243.268.379
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(86.556.430.573)</i>	<i>(94.859.579.068)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.366.000.000	2.635.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		713.912.301.945	355.020.263.245
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(527.121.624.093)	(241.713.201.151)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.423.900.000)	(11.971.100.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>187.732.777.852</i>	<i>103.970.962.094</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>35.696.879.422</i>	<i>16.235.340.929</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>		<i>40.027.797.312</i>	<i>23.789.076.972</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		2.443.570	3.379.411
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>		<i>75.727.120.304</i>	<i>40.027.797.312</i>

Kế toán trưởng

Phạm Văn Nho

Bình Định ngày 31 tháng 01 năm 2010

Trưởng Giám đốc



Nguyễn Lương Am

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2009

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xây Dựng 47 "gọi tắt là Công ty" tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây Dựng 47) được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số: 4411/QĐ/BNN-TCCB ngày 08 tháng 12 năm 2005. Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số: 35 03 000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần 01 ngày 27 tháng 06 năm 2005 và cấp lại lần 07 ngày 29 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở chính: Số 08 - Biên Cương - Quy Nhơn - tỉnh Bình Định

Vốn điều lệ: 39.750.000.000 đồng

(*Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn.*)

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh:

- * Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng;
- * Dịch vụ thông tin tư vấn chuyển giao công nghệ, kiểm phẩm chất lượng cà phê và nông sản xuất nhập khẩu;
- * Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng;
- * Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu;
- * Đại tu xe, máy thi công;
- * Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí;
- * Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình
- * Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ Massage
- * Đại lý rượu, bia, nước giải khát
- * Đại lý dịch vụ Internet
- * Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác
- * Đại lý thu đổi ngoại tệ
- * Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ
- * Tổ chức hội nghị, hội thảo
- * Dịch vụ quảng cáo
- * Đại lý bán vé máy bay, tàu hoả
- * Tư vấn du học
- * Kinh doanh vận chuyển khách bằng ô tô theo hợp đồng
- * Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển
- * Hoạt động dạy nghề
- * Kinh doanh và cho thuê bất động sản
- * Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình
- * Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. (hoạt động phải đảm bảo các điều kiện và giấy phép kinh doanh theo quy định)./.

3. Danh sách các Công ty Con được hợp nhất

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần du lịch Hầm Hồ
Địa chỉ: Tây Phú – Tây Sơn – Bình Định

4. Tỷ lệ lợi ích Công ty Mẹ và quyền biểu quyết

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
Tỷ lệ lợi ích Công ty Mẹ	73,83%	80,72%
Quyền biểu quyết	73,83%	80,72%
Vốn Công ty Con	7.129.000.000	6.603.000.000
Vốn góp Công ty Mẹ	5.330.000.000	5.330.000.000
Vốn góp cổ đông thiểu số	1.889.000.000	1.273.000.000

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Xây dựng 47, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty Con: Các Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một Công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của Công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các Báo cáo tài chính của các Công ty con đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

- + **Công ty liên doanh và các Công ty liên kết:** Công ty liên doanh là các Công ty mà Công ty mẹ có quyền đồng kiểm soát với bên liên doanh khác. Các Công ty liên kết là các Công ty chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty Mẹ trên lỗ hoặc lãi của Công ty liên doanh và liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu, kể từ ngày chuyển quyền đồng kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể bắt đầu đến khi kết thúc.
- + **Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:** Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các Công ty liên kết và Công ty liên doanh được loại trừ ở mức lợi ích của Công ty Mẹ trong Công ty đó. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện.

2. Nguyên tắc, trình tự và phương pháp hợp nhất

2.1 Nguyên tắc

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- * Công ty Mẹ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của mình và của tất cả các Công ty con do Công ty Mẹ kiểm soát, trừ các trường hợp: Quyền kiểm soát Công ty Mẹ chỉ là tạm thời; hoạt động của Công ty Con bị hạn chế trong thời gian dài và ảnh hưởng đáng kể tới khả năng chuyển vốn cho Công ty Mẹ.
- * Công ty Mẹ không được loại trừ ra khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty Con có hoạt động kinh doanh khác biệt.
- * Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo nguyên tắc kế toán và nguyên tắc đánh giá theo chuyển mục số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính" và quy định các chuẩn mực kế toán khác.
- * Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở áp dụng chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự trong Tập đoàn.

2.2 Trình tự và phương pháp hợp nhất

- * Cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty Mẹ và các Công ty Con trong Tập đoàn.
- * Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty Mẹ trong Công ty Con và phần vốn của Công ty Mẹ trong vốn chủ sở hữu của từng Công ty Con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có).
- * Phân bổ lợi thế thương mại (nếu có).
- * Tách và trình bày lợi ích cổ đông thiểu số thành chỉ tiêu riêng biệt.
- * Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn.
- * Lập các bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất.
- * Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ.

Đối với các chỉ tiêu về Tài sản, Nguồn vốn, Doanh thu và Chi phí được trình bày như đã trình bày ở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Mẹ và Công ty Con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:

- * Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ.
- * Vốn đầu tư của Công ty Mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu Công ty Con.
- * Lợi ích cổ đông thiểu số cũng như lợi thế thương mại và lợi thế thương mại âm (nếu có).
- * Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu...

3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:

- * Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.
- * Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:
 - + Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - + Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- * Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- * Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- * Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.
- * **Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:**
 - Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
 - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
 - Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
 - Chi phí bán hàng;
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- * **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước).

* **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

* **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Công ty không áp dụng.

5. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

- * Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ Hữu hình và TSCĐ Vô hình
 - Tài sản cố định của Công ty được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
 - Nguyên giá của TSCĐ bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử, thuế nhập khẩu (nếu có) và các chi phí khác để đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- * Phương pháp khấu hao TSCĐ Hữu hình và Vô hình
 - Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50 năm
Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị quản lý	03 – 08 năm

- * Lãi lỗ thanh lý tài sản cố định được hạch toán như một khoản lãi hoặc lỗ trong kỳ phát sinh nghiệp

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- * Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

*** Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

*** Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:**

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

*** Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

*** Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

*** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu SP hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*** Doanh thu cung cấp dịch vụ:** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

*** Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định một cách chắc chắn.

*** Doanh thu hợp đồng xây dựng:**

Được ghi nhận theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên thu nhập chịu thuế

Năm 2009 Công ty vẫn trong diện được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

	Cuối năm	Đầu năm
1. Tiền		
<i>1.1 Tiền mặt</i>	1.971.683.454	2.297.328.395
Cty CP Xây Dựng 47	1.826.572.932	2.200.322.501
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	145.110.522	97.005.894
<i>1.2 Tiền gửi ngân hàng</i>	73.755.436.850	37.730.468.917
Cty CP Xây Dựng 47	73.562.205.097	36.895.258.839
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	193.231.753	835.210.078
Cộng	75.727.120.304	40.027.797.312
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	449.000.000	358.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.640.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	449.000.000	2.998.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	Cuối năm	Đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	1.379.501.845	3.206.743.026
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	199.752.147	174.800.892
Cộng	1.579.253.992	3.381.543.918
4. Hàng tồn kho		
	Cuối năm	Đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	85.302.831.983	57.263.144.423
- Công cụ, dụng cụ	1.650.118.232	1.132.981.525
- Chi phí SX, KD dở dang	154.090.393.802	51.678.156.317
- Hàng hoá	330.352.657	298.560.112
Cộng	241.373.696.674	110.372.842.377

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 - Fax: 056 3522 316

...yết (...)...Bác (...)...tài (...)...h h (...)...tất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2009

5. TÀNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý+ khác	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
Số dư đầu kỳ	57.697.502.270	205.814.175.589	71.534.664.852	7.558.874.152	2.183.755.252	344.788.972.115
- Mua trong kỳ	-	76.474.036.660	38.686.038.262	3.207.796.035	-	118.367.870.957
- XD/CB hoàn thành	2.308.701.927	-	-	-	392.109.092	2.700.811.019
- Tàng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	60.006.204.197	282.288.212.249	110.220.703.114	10.766.670.187	2.575.864.344	465.857.654.091
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	7.825.841.190	84.324.008.748	23.034.985.667	2.607.015.435	129.862.000	117.921.713.040
- Khấu hao trong kỳ	1.404.752.881	23.423.698.614	7.990.794.837	1.049.282.658	4.232.000	33.872.760.990
- Tàng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9.230.594.071	107.747.707.362	31.025.780.504	3.656.298.093	134.094.000	151.794.474.030
Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu kỳ	49.871.661.080	121.490.166.841	48.499.679.185	4.951.858.717	2.053.893.252	226.867.259.075
- Tại ngày cuối kỳ	50.775.610.126	174.540.504.887	79.194.922.610	7.110.372.094	2.441.770.344	314.063.180.061

* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ HH đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay:

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý, không cần dùng:

263.148.452.127

2.782.178.572

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyên sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
1. Số dư đầu kỳ	102.745.000	566.937.273	669.682.273
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	102.745.000	566.937.273	669.682.273
Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu kỳ		57.658.893	57.658.893
2. Số tăng trong kỳ	-	70.867.159	70.867.159
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	128.526.052	128.526.052
Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu kỳ	102.745.000	509.278.380	612.023.380
2. Số dư cuối kỳ	102.745.000	438.411.221	541.156.221

	Cuối năm	Đầu năm
7. Chi phí XDCB dở dang		
<i>Xây dựng cơ bản</i>		
- Khách sạn Hải Âu	7.881.122.879	1.156.037.826
- Nhà 71 Biên Cương	-	911.051.374
- Công ty CP du lịch Hầm Hồ	129.705.568	176.205.568
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	18.864.240	18.864.240
Cộng	8.029.692.687	2.262.159.008
8. Đầu tư dài hạn khác		
- Trái phiếu	-	91.000.000
Cộng	-	91.000.000
9. Chi phí trả trước dài hạn		
* Chi phí công cụ dụng cụ	4.177.578.311	-
* Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	4.177.578.311	-
10. Vay và nợ ngắn hạn		
a. Vay ngắn hạn	216.968.154.563	179.942.331.336
Vay ngân hàng	216.727.304.621	179.695.015.786
Vay các đối tượng khác	240.849.942	247.315.550
b. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	216.968.154.563	179.942.331.336

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT đầu ra	12.313.406.579	9.063.158.379
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.559.442	9.537.064
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.011.706.323	602.401.681
Thuế thu nhập cá nhân	53.340.270	(99.800.000)
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Thuế khác	(37.166.827)	(37.166.827)
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	15.343.845.787	9.538.130.297
12. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Xây dựng 47		
* Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
* Chi phí phải trả	10.268.887.195	11.073.336.672
Cộng	10.268.887.195	11.073.336.672
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngân hàng khác	Cuối năm	Đầu năm
* Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
* Kinh phí công đoàn	4.041.475.909	2.132.336.909
* Bảo hiểm xã hội, BHYT	2.893.791	365.256
* Phải trả về cổ phần hóa	1.159.900.010	1.159.900.000
* Cổ tức phải trả cổ đông Nhà nước	-	2.550.000.000
* Cổ tức phải trả cổ đông ngoài Nhà nước	-	323.900.000
* Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.930.952.608	36.929.845.374
Cộng	12.135.222.318	43.096.347.539
14. Vay và nợ dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
a. Vay dài hạn	135.901.675.135	99.490.082.242
* Vay ngân hàng	135.667.745.842	99.062.152.949
* Cty CP Du Lịch Hâm Hồ	233.929.293	427.929.293
b. Nợ dài hạn	172.237.369.764	-
Cộng	308.139.044.899	99.490.082.242

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định
Điện thoại: 056 3522 166 - Fax: 056 3522 316**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2009**15. TĂNG, GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU****A- Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Vốn khác CSH	Quý ĐTPT	Quý DPTC	Lợi nhuận chưa PP	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	8.497.900.000	8.616.473.451	-	898.769.236	-	53.988.402.411
Tăng vốn trong năm trước	-	-	1.810.022.559	2.689.962.618	538.331.256	12.509.460.536	18.089.750.798
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	12.509.460.536	13.217.871.148
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	8.497.900.000	10.426.496.010	2.689.962.618	1.437.100.492	-	58.860.282.061
Số dư đầu năm nay	35.000.000.000	8.497.900.000	10.426.496.010	2.689.962.618	1.437.100.492	-	58.861.310.095
Tăng vốn trong kỳ này	4.750.000.000	1.400.000.000	3.022.650.967	3.178.336.467	1.059.445.488	-	14.545.769.118
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	24.270.344.074	24.270.344.074
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	5.356.010.774	6.265.258.774
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	3.000.000.000	-	-	3.022.650.967	6.022.650.967
Số dư cuối năm nay	39.750.000.000	9.897.900.000	10.449.146.977	5.868.299.085	2.496.545.980	15.891.682.333	85.389.513.546

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của Nhà nước
- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	13.842.850.000	12.750.000.000
	25.907.150.000	22.250.000.000
Cộng	39.750.000.000	35.000.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 - Fax: 056 3522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2009

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	4.750.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	39.750.000.000	35.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.873.900.000	-

D. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

Chưa công bố

Đ. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành:
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:
- + Cổ phiếu phổ thông:
- + Cổ phiếu ưu đãi:
- Số lượng cổ phiếu được mua lại:
- + Cổ phiếu phổ thông:
- + Cổ phiếu ưu đãi:
- Số lượng cổ phiếu đang được lưu hành:
- + Cổ phiếu phổ thông:
- + Cổ phiếu ưu đãi:
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
	3.975.000	3.500.000
	3.975.000	3.500.000
	3.975.000	3.500.000
	-	-
	3.975.000	3.500.000
	3.975.000	3.500.000

E. Mục đích trích quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)

	Năm nay	Năm trước
16. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	808.179.740.885	605.981.336.965
Cộng	808.179.740.885	605.981.336.965
17. Các khoản giảm trừ doanh thu	78.461.537	169.149.651
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	78.461.537	169.149.651
18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	808.101.279.348	605.812.187.314
19. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	731.137.628.489	540.581.237.630
Cộng	731.137.628.489	540.581.237.630
20. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	722.037.753	3.354.790.915
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.111.787.322	1.483.357.470
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.443.570	3.379.411
Cộng	3.836.268.645	4.841.527.796
21. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	27.415.902.903	37.477.767.016
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.873.000	26.688.923
Cộng	27.420.775.903	37.504.455.939
22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.030.290.768	1.996.590.486
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.030.290.768	1.996.590.486
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31/12/2009 được tính dựa trên số lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.357.930.059	12.509.460.536

+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.871.586.012	2.501.892.107
- Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.486.344.047	10.007.568.429
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.856.250	3.500.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.053	2.859

24. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	427.585.642.309	171.896.397.732
Chi phí nhân công	125.671.859.217	82.362.753.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.938.492.149	24.321.994.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.900.762.088	186.548.718.710
Chi phí khác bằng tiền	10.509.731.948	8.177.473.694
Cộng	755.606.487.711	473.307.338.423

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm:

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung	2009 (VND)
Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình	Cty liên kết	Doanh thu	2.859.601.273
Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình	Cty liên kết	Giá vốn	2.573.641.146
Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình	Cty liên kết	Cổ tức đã nhận	3.046.494.000

2. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội.

3. Thông tin khác:

Quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định của thuế, số thuế trình bày trên BCTC có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4. Thông tin về hoạt động liên tục:

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Dựng 47 khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

5. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	37,17%	39,30%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	62,83%	60,70%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)

- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	90,50%	90,32%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	9,50%	9,68%

2 Khả năng thanh toán

2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	1,108	0,820
2.2. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,645	0,580

3 Tỷ suất sinh lời

3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	3,39%	2,40%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	3,02%	2,07%

3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	3,56%	2,72%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	3,17%	2,35%

Kế Toán Trưởng

Phạm Văn Nho

Bình Định, ngày 31 tháng 01 năm 2010

Trưởng Giám đốc



Nguyễn Lương Am